|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD - ĐT VĨNH PHÚC**TRƯỜNG THPT BÌNH SƠN**--------------------*(Đề thi có \_\_\_ trang)* | **ĐỀ THI CHỌN HSG VÒNG TRƯỜNGNĂM HỌC 2023 - 2024MÔN: ĐỊA LÍ 10***Thời gian làm bài: 90 Phút(không kể thời gian phát đề)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên: ............................................................................ | Số báo danh: ....... | **Mã đề 000** |

**Câu 1.** Năm 2019, quy mô dân số nước ta là 96.209 nghìn người, trong đó dân số nam là 47.881 nghìn người. Tỉ số giới tính của dân số nước ta năm 2019 là bao nhiêu?

 **A.** 49,7%. **B.** 100,9%. **C.** 50,3%. **D.** 99,1%.

**Câu 2.** Cây củ cải đường ưa loại đất nào sau đây?

 **A.** Phù sa mới. **B.** Đất đen. **C.** Đất ba dan. **D.** Phù sa cổ.

**Câu 3.** Địa hình băng tích là kết quả trực tiếp của quá trình

 **A.** phong hóa. **B.** vận chuyển. **C.** bóc mòn. **D.** bồi tụ.

**Câu 4.** Khi ở Việt Nam là 2 giờ sáng ngày 31/12/2021 thì ở Luân-đôn (khu vực giờ số 0) là mấy giờ? Ngày nào?

 **A.** 19h ngày 01/01/2022. **B.** 9h ngày 30/12/2020.

 **C.** 9h ngày 01/01/2022. **D.** 19h ngày 30/12/2021.

**Câu 5.** Ở bán cầu Nam, ngày nào có sự chênh lệch thời gian ban ngày và thời gian ban đêm lớn nhất trong năm ?

 **A.** 22/6. **B.** 23/9. **C.** 21/3. **D.** 22/12.

**Câu 6.** Khẳng định nào sau đây là **không** đúng?

 **A.** Khí áp tăng khi nhiệt độ giảm.

 **B.** Tỉ trọng của không khí có hơi nước nhẹ hơn tỉ trọng của không khí khô.

 **C.** Trong năm, trên lục địa vào mùa hạ hình thành áp cao, mùa đông có áp thấp

 **D.** Không khí chứa nhiều hơi nước thì khí áp sẽ giảm.

**Câu 7.** GNI lớn hơn hay nhỏ hơn GDP phụ thuộc vào

 **A.** các yếu tố trong nước. **B.** tính chất nền kinh tế.

 **C.** trình độ người lao động. **D.** các yếu tố nước ngoài.

**Câu 8.** Nguyên nhân nào dẫn đến hình thành Biển Đỏ và các hồ ở khu vực phía đông lục địa Phi?

 **A.** Khúc uốn của sông. **B.** Vùng trũng của địa hình.

 **C.** Các vận động đứt gãy, tách giãn. **D.** Vận động nâng lên.

**Câu 9.** Thời kì chuyển động biểu kiến Mặt Trời tại Bắc bán cầu, các nước theo dương lịch ở Bắc bán cầu là mùa

 **A.** đông và xuân. **B.** thu và đông. **C.** xuân và hạ. **D.** hạ và thu.

**Câu 10.** SỐ DÂN VÀ SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ TỈNH NĂM 2018*(Đơn vị: Nghìn người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tỉnh** | **Bắc Ninh** | **Thanh Hóa** | **Bình Định** | **Tiền Giang** |
| Số dân | 1247,5 | 3558,2 | 1534,8 | 1762,3 |
| Số dân thành thị | 353,6 | 616,1 | 475,5 | 272,9 |

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây **đúng** khi so sánh tỉ lệ dân thành thị trong dân số của các tỉnh năm 2018?

 **A.** Bình Định thấp hơn Bắc Ninh. **B.** Thanh Hóa cao hơn Tiền Giang.

 **C.** Tiền Giang cao hơn Bình Định. **D.** Bắc Ninh thấp hơn Thanh Hóa.

**Câu 11.** Biểu hiện rõ rệt của quy luật địa ô là sự thay đổi theo kinh độ của

 **A.** thổ nhưỡng. **B.** thực vật. **C.** địa hình. **D.** sông ngòi.

**Câu 12.** Hồ có nguồn gốc nội sinh gồm

 **A.** hồ kiến tạo, hồ núi lửa. **B.** hồ kiến tạo, hồ bồi tụ do sông.

 **C.** hồ kiến tạo, hồ băng hà. **D.** hồ núi lửa, hồ băng hà.

**Câu 13.** Trên bề mặt Trái Đất, vỏ phong hóa dày ở vùng

 **A.** khô hạn. **B.** lạnh giá. **C.** ôn đới. **D.** nhiệt đới ẩm.

**Câu 14.** Nhận định nào sau đây **không đúng** về đặc điểm của sinh quyển?

 **A.** Sinh vật phân bố không đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.

 **B.** Sinh vật tập trung vào nơi có thực vật mọc, dày khoảng vài chục mét.

 **C.** Giới hạn của sinh quyển bao gồm toàn bộ thuỷ quyển và khí quyển.

 **D.** Chiều dày của sinh quyển tuỳ thuộc vào giới hạn phân bố của sinh vật.

**Câu 15.** Nhận định nào sau đây **đúng** về giờ các địa điểm trong cùng một thời điểm nằm trên các kinh tuyến khác nhau thường có

 **A.** giờ địa phương là 12 giờ. **B.** giờ địa phương khác nhau.

 **C.** giờ địa phương là 0 giờ. **D.** giờ địa phương cùng nhau.

**Câu 16.** Tầng nào của khí quyển ảnh hưởng lớn đến đời sống của con người và sinh vật?

 **A.** Bình lưu. **B.** Tầng nhiệt. **C.** Đối lưu. **D.** Tầng ngoài cùng.

**Câu 17.** Chuyển động của dòng biển tạo thành những vòng tuần hoàn trên các đại dương biểu hiện rõ vĩ độ nào ở hai bán cầu?

 **A.** Nhiệt đới và xích đạo. **B.** Nhiệt đới và ôn đới.

 **C.** Xích đạo và cực. **D.** Xích đạo và ôn đới.

**Câu 18.** Nguyên nhân chính làm cho nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ xích đạo về hai cực là

 **A.** thời gian chiếu sáng giảm. **B.** góc nhập xạ giảm.

 **C.** không khí càng loãng. **D.** áp suất không khí giảm.

**Câu 19.** Ở vĩ độ cao của bán cầu Nam, dòng biển có hướng ổn định từ

 **A.** xích đạo về cực. **B.** đông sang tây. **C.** tây sang đông. **D.** bắc lên nam.

**Câu 20.** Cơ cấu kinh tế được hình thành dựa trên chế độ sở hữu là

 **A.** cơ cấu thành phần kinh tế. **B.** cơ cấu lãnh thổ.

 **C.** cơ cấu lao động. **D.** cơ cấu ngành kinh tế.

**Câu 21.** Đêm trắng là khoảng thời gian

 **A.** ban đêm diễn ra rất dài, không gian ở cuối đường chân trời giống như hoàng hôn.

 **B.** có thời gian ban đêm diễn ra dài nhất cho dù Mặt Trời đã lặn xuống dưới đường chân trời.

 **C.** ban ngày ở một địa phương có độ chiếu sáng tự nhiên không quá thấp cho dù Mặt Trời đã lặn xuống dưới đường chân trời.

 **D.** ban đêm ở một địa phương có độ chiếu sáng tự nhiên không quá thấp cho dù Mặt Trời đã lặn xuống dưới đường chân trời.

**Câu 22.** Cho biểu đồ về tình hình hoạt động ngoại thương của Xin-ga-po năm 2010 và 2018:



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

 **A.** Sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất khẩu và nhập khẩu của Xin-ga-po.

 **B.** Quy mô giá trị xuất khẩu và nhập khẩu của Xin-ga-po.

 **C.** Sản lượng xuất khẩu và nhập khẩu của Xin-ga-po.

 **D.** Quy mô và cơ cấu giá trị xuất khẩu và nhập khẩu của Xin-ga-po.

**Câu 23.** Tính đến cuối năm 2019, dân số Việt Nam là 96480000người, giả sử tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên là 0,96% (không thay đổi). Vậy dự kiến dân số của Việt Nam tính đến 31/12/ 2020 là

 **A.** 97802406 người. **B.** 97604208 người. **C.** 97406208 người. **D.** 96840000 người.

**Câu 24.** Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ CỦA HOA KÌ GIAI ĐOẠN 1950-2017

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1950** | **1970** | **1980** | **1988** | **2004** | **2017** |
| **Số dân (triệu người)** | 152,3 | 204 | 227 | 245 | 292 | 325,8 |
| **Tỉ lệ gia tăng (%)** | 1,5 | 1,1 | 1,0 | 0,9 | 0,82 | 0,73 |

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số của Hoa Kì, giai đoạn 1950-2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Miền. **B.** Kết hợp. **C.** Tròn. **D.** Cột.

**Câu 25.** TỈ SUẤT SINH VÀ TỈ SUẤT TỬ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2018. *(Đơn vị:* ‰)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Việt Nam** | **Ma-lai-xi-a** | **In-đô-nê-xi-a** | **Bru-nây** |
| Tỉ suất sinh | 15,0 | 17,0 | 19,0 | 16,0 |
| Tỉ suất tử | 7,0 | 5,0 | 7,0 | 4,0 |

Theo bảng sốliệu,chobiếtnhậnxétnàosauđây**đúng** khi so sánh tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của một số quốc gia năm 2018?

 **A.** Ma-lai-xi-a thấp hơn Việt Nam. **B.** Việt Nam cao hơn Ma-lai-xi-a.

 **C.** Bru-nây thấp hơn Việt Nam. **D.** In-đô-nê-xi-a cao hơn Việt Nam.

**Câu 26.** Sông ngòi ở miền khí hậu nào sau đây có đặc điểm “sông có lũ lớn vào mùa mưa và cạn vào mùa khô”?

 **A.** Khí hậu hàn đới. **B.** Khí hậu cận nhiệt đới khô.

 **C.** Khí hậu xích đạo. **D.** Khí hậu nhiệt đới gió mùa.

**Câu 27.** Nguyên nhân chính làm cho sông Mê Công có chế độ nước điều hoà hơn sông Hồng là do

 **A.** thuỷ điện Hoà Bình làm sông Hồng chảy thất thường.

 **B.** Biển Hồ giúp điều hoà nước sông Mê Công.

 **C.** sông Mê Công dài hơn sông Hồng.

 **D.** sông Mê Công đổ ra biển bằng chín cửa.

**Câu 28.** Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2021

*(Đơn vị: nghìn người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2017** | **2021** |
| Thành thị | 25585 | 31132 | 33121 | 36564 |
| Nông thôn | 60440 | 60582 | 62293 | 61941 |

Theo bảng số liệu,để thể hiện sự thay đổi cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn nước ta, giai đoạn 2010 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp?

 **A.** cột, tròn, kết hợp. **B.** kết hợp, đường, miền.

 **C.** miền, tròn, cột. **D.** cột, tròn, đường.

**Câu 29.** Ngày nào sau đây ở vòng cực Bắc có thời gian ngày dài 24 giờ?

 **A.** 21/3. **B.** 22/6. **C.** 23/9. **D.** 22/12.

**Câu 30.** Lí do nào sau đây làm cho đường chuyển ngày quốc tế ***không*** đi qua các lục địa?

 **A.** Để cho mỗi nước không có hai ngày lịch trong cùng một thời gian.

 **B.** Để cho mỗi nước không có hai giờ khác nhau trong cùng một lúc.

 **C.** Để cho mỗi quốc gia có cùng chung một ngày lịch ở hai địa điểm.

 **D.** Để cho mỗi quốc gia có hai ngày lịch ở trong cùng một thời gian.

**Câu 31.** Trong số các biểu hiện sau đây có bao nhiêu biểu hiện là do tác động của ngoại lực tạo nên?

1. Lục địa được nâng lên hay hạ xuống.

2. Các lớp đất đá bị uốn nếp hay đứt gãy.

3. Đá nứt vỡ do nhiệt độ thay đổi đột ngột.

4. Sinh ra hiện tượng động đất, núi lửa.

5. Tạo nên những dạng địa hình Cacxto.

6. Đá bị biến đổi cả về mặt lý học và hóa học.

 **A.** 4 **B.** 3 **C.** 2 **D.** 5

**Câu 32.** Những cánh đồng giữa núi ở Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình được hình thành do quá trình

 **A.** xâm thực bởi băng hà. **B.** xâm thực bởi nước chảy trên mặt.

 **C.** thổi mòn do gió. **D.** nắng gay gắt, khí hậu khô hạn.

**Câu 33.** Trên bề mặt Trái Đất, ở mỗi bán cầu, từ cực về Xích đạo có các đai khí áp phân bố theo thứ tự như thế nào?

 **A.** Áp cao cực, áp thấp ôn đới, áp cao chí tuyến, áp thấp xích đạo.

 **B.** Áp thấp cực, áp thấp ôn đới, áp cao chí tuyến, áp cao xích đạo.

 **C.** Áp cao cực, áp thấp ôn đới, áp cao chí tuyến, áp cao xích đạo.

 **D.** Áp cao cực, áp cao ôn đới, áp thấp chí tuyến, áp thấp xích đạo.

**Câu 34.** Phương pháp nào sau đây thường được sử dụng để biểu hiện diện tích và sản lượng lúa của các tỉnh ở nước ta trong cùng một thời gian?

 **A.** Kí hiệu. **B.** Chấm điểm.

 **C.** Kí hiệu theo đường. **D.** Bản đồ - biểu đồ.

**Câu 35.** Vùng chí tuyến có mưa tương đối ít, chủ yếu là do

 **A.** các khu khí áp cao hoạt động quanh năm.

 **B.** các dòng biển lạnh ở cả hai bờ đại dương.

 **C.** có nhiều khu vực địa hình núi cao đồ sộ.

 **D.** có gió thường xuyên và gió mùa thổi đến.

**Câu 36.** Sự dịch chuyển các đai áp trên Trái Đất chủ yếu là do

 **A.** sự thay đổi độ ẩm.

 **B.** sự thay đổi nhiệt độ giữa lục địa và đại dương.

 **C.** sự thay đổi của hướng gió mùa.

 **D.** chuyển động biểu kiến của Mặt Trời trong năm.

**Câu 37.** Đại dương có biên độ nhiệt độ nhỏ hơn lục địa là do

 **A.** độ cao trung bình của các lục địa lớn hơn độ cao trung bình của các đại dương.

 **B.** đại dương là nơi chứa nước nên mát mẻ hơn lục địa.

 **C.** đất hấp thụ nhiệt nhanh hơn nhưng tỏa nhiệt cũng nhanh hơn nước.

 **D.** bề mặt các lục địa nhận được lượng bức xạ nhiều hơn đại dương.

**Câu 38.** Nguyên nhân làm chuyển dịch cơ cấu các thành phần kinh tế ở nước ta chủ yếu là do

 **A.** quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

 **B.** phát triển nền kinh tế thị trường và hội nhập toàn cầu.

 **C.** nền kinh tế nước ta đang ngày càng hội nhập toàn cầu.

 **D.** nước ta đang phát triển kinh tế thị trường.

**Câu 39.** Cho biểu đồ sau:



SẢN LƯỢNG NƯỚC MẮM VÀ THỦY SẢN ĐÓNG HỘP CỦA NƯỚC TA,

GIAI ĐOẠN 2010 - 2018

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng với sản lượng nước mắm và thủy sản đóng hộp của nước ta, giai đoạn 2010 - 2018?

 **A.** Nước mắm giảm liên tục.

 **B.** Nước mắm tăng liên tục.

 **C.** Thủy sản đóng hộp tăng chậm hơn nước mắm.

 **D.** Thủy sản đóng hộp tăng liên tục.

**Câu 40.** Biểu hiện nào sau đây **đúng** với phong hóa vật lí ?

 **A.** Hòa tan đá vôi do nước để tạo ra hang động.

 **B.** Rễ cây làm cho các lớp đá rạn nứt, đổi màu.

 **C.** Xói mòn đất do dòng chảy nước tạm thời.

 **D.** Các đá nứt vỡ do nhiệt độ thay đổi đột ngột.

**Câu 41.** Sống núi ngầm dưới đáy Đại Tây Dương là kết quả của vận động

 **A.** tách dãn giữa mảng Bắc Mỹ và mảng Âu – Á.

 **B.** dồn ép giữa mảng Bắc Mỹ và mảng Âu – Á.

 **C.** tách dãn giữa mảng Ấn Độ và mảng Âu – Á.

 **D.** dồn ép giữa mảng Ấn Độ và mảng Âu – Á.

**Câu 42.** Ở bán cầu Nam, chịu tác động của lực Côriolit, gió Nam sẽ bị lệch hướng trở thành

 **A.** Đông Nam. **B.** Tây Nam. **C.** Đông Bắc. **D.** Tây Bắc.

**Câu 43.** Khi ở kinh tuyến 1000 Đông là 7 giờ, thì ở kinh tuyến 99058 phút Đông có giờ địa phương là 6 giờ 59 phút

 **A.** 50 giây. **B.** 52 giây. **C.** 54 giây. **D.** 58 giây.

**Câu 44.** Các lớp đá bị gãy, đứt ra rồi dịch chuyển với biên độ lớn sẽ sinh ra

 **A.** nếp uốn. **B.** miền núi uốn nếp.

 **C.** địa hào, địa lũy. **D.** hẻm vực, thung lũng.

**Câu 45.** Các thành phần tự nhiên trong vỏ địa lí có mối quan hệ chặt chẽ với nhau chủ yếu do

 **A.** phân bố ở trên cùng một lớp vỏ của Trái Đất.

 **B.** đều chịu tác động của nội lực và ngoại lực.

 **C.** luôn chịu tác động của năng lượng mặt trời.

 **D.** có các thành phần chịu ảnh hưởng kiến tạo.

**Câu 46.** Theo hướng từ cực về xích đạo, các kiểu thảm thực vật phân bố theo thứ tự nào sau đây?

 **A.** Đài nguyên, rừng lá kim, rừng cận nhiệt ẩm, rừng lá rộng.

 **B.** Đài nguyên, rừng lá kim, rừng lá rộng, rừng cận nhiệt ẩm.

 **C.** Đài nguyên, rừng lá rộng, rừng lá kim, rừng cận nhiệt ẩm.

 **D.** Đài nguyên, rừng cận nhiệt ẩm, rừng lá kim, rừng lá rộng.

**Câu 47.** Trên cùng một vĩ tuyến, từ Tây sang Đông ở các lục địa có sự khác nhau về thảm thực vật do bị chi phối bởi quy luật

 **A.** địa đới. **B.** địa ô. **C.** đai cao. **D.** phi địa đới.

**Câu 48.** Về mặt môi trường, dân số tác động rõ rệt đến

 **A.** y tế và an sinh xã hội.

 **B.** thu nhập và mức sống.**C.** tiêu dùng và tích luỹ.

 **C.** không gian sinh tồn.

**Câu 49.** Động lực phát triển dân số là

 **A.** tỉ suất sinh thô. **B.** số người nhập cư.

 **C.** gia tăng tự nhiên. **D.** gia tăng cơ học.

**Câu 50.** Mùa xuân ở vùng ôn đới của Nam bán cầu từ

 **A.** 22/6 đến 23/9. **B.** 21/3 đến 22/6. **C.** 22/12 đến 21/3. **D.** 23/9 đến 22/12.

**Câu 51.** Năng suất lao động nông nghiệp ngày càng tăng chủ yếu do

 **A.** tăng cường cơ giới hóa và hiện đại hóa tư liệu sản xuất.

 **B.** đa dạng hoạt động sản xuất và lao động làm việc cần cù.

 **C.** tăng cường cơ giới hóa và đa dạng hóa ngành sản xuất.

 **D.** có nhiều kinh nghiệm và truyền thống sản xuất lâu đời.

**Câu 52.** Cho các nhận định sau đây về dải hội tụ:

1. Đều là các khối khí nóng ẩm, chỉ có hướng gió khác nhau.

2. Gây mưa lớn hơn rất nhiều so với mưa frông.

3. Trên Trái Đất có một dải hội tụ nhiệt đới ở khu vực xích đạo.

4.Là nguyên nhân chính gây mưa ở khu vực xích đạo.

5. Mưa do dải hội tụ thường mưa ít.

6. Thường xuất hiện ở vĩ độ cao và trung bình.

Có bao nhiêu nhận định **đúng** về dải hội tụ nhiệt đới trên Trái Đất?

 **A.** 4 **B.** 3 **C.** 2 **D.** 5

**Câu 53.** Cho bảng số liệu sau:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC THEO GIÁ HIỆN HÀNH CỦA CÁC NHÓM NƯỚC

*(Đơn vị: Tỷ Đô la Mỹ)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2013** | **2014** | **2016** |
| Các nước thu nhập thấp | 293 | 383 | 413 | 404 |
| Các nước thu nhập trung bình | 20459 | 27278 | 28293 | 26897 |
| Các nước thu nhập cao | 45207 | 49346 | 50360 | 48561 |

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành của các nhóm nước trên qua các năm thì biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

 **A.** Cột. **B.** Tròn. **C.** Miền. **D.** Đường.

**Câu 54.** Nhận định **không đúng** về sự khác biệt quá trình phong hóa lí học so với phong hóa hóa học?

 **A.** Làm đá bị rạn nứt, vỡ thành những khối vụn kích thước khác nhau.

 **B.** Chủ yếu do sự thay đổi đột ngột của nhiệt độ, sự đóng băng của nước.

 **C.** Xảy ra mạnh nhất ở vùng khí hậu hoang mạc, bán hoang mạc, khí hậu băng giá.

 **D.** Đá và khoáng vật bị phá hủy, biến đổi thành phần, tính chất hóa học.

**Câu 55.** Nguồn năng lượng nào sau đây được coi là nguồn năng lượng tái tạo?

 **A.** Dầu mỏ. **B.** Thủy điện. **C.** Điện nguyên tử. **D.** Địa nhiệt.

**Câu 56.** Lực hút của Mặt Trăng đối với lớp nước trên Trái Đất mạnh hơn lực hút của Mặt Trời do

 **A.** Mặt Trăng lớn hơn Mặt Trời. **B.** Mặt Trăng ở gần hơn Mặt Trời.

 **C.** Mặt Trăng sáng hơn Mặt Trời. **D.** Mặt Trăng tối hơn Mặt Trời.

**Câu 57.** Nhân tố vừa ảnh hưởng trực tiếp, vừa gián tiếp đến sự hình thành đất là

 **A.** đá mẹ. **B.** khí hậu. **C.** sinh vật. **D.** địa hình.

**Câu 58.** Tác động đầu tiên của nhiệt và ẩm đến quá trình hình thành của đất là

 **A.** làm cho đất ẩm, tơi xốp hơn.

 **B.** làm cho đất giàu chất dinh dưõng hơn.

 **C.** làm cho đất có khả năng chống xói mòn tốt hơn.

 **D.** làm cho đá gốc bị phá huỷ thành những sản phẩm phong hoá.

**Câu 59.** Ở vùng núi cao quá trình hình thành đất yếu, chủ yếu là do

 **A.** trên núi cao áp suất không khí nhỏ. **B.** nhiệt độ thấp nên phong hoá chậm.

 **C.** lượng mùn ít, nghèo nàn. **D.** độ ẩm quá cao, mưa nhiều.

**Câu 60.** Việt Nam là đất nước nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa thì đất sẽ có những đặc điểm nào sau đây?

 **A.** phong hóa mạnh, tầng đất mỏng. **B.** tuổi đất già.

 **C.** phong hóa yếu, tầng đất dày. **D.** tuổi đất trẻ.

**Câu 61.** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN VÀ SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG MỘT SỐ TỈNH NĂM 2020

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tỉnh** | **Tiền Giang** | **Bến Tre** | **Trà Vinh** | **Sóc Trăng** |
| Diện tích nuôi trồng thủy sản *(nghìn ha)* | 14,8 | 38,0 | 41,5 | 76,3 |
| Sản lượng thủy sản nuôi trồng *(nghìn tấn)* | 206,7 | 281,8 | 152,9 | 258,3 |

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích nuôi trồng thủy sản và sản lượng thủy sản nuôi trồng của một số tỉnh nước ta năm 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Cột. **B.** Miền. **C.** Kết hợp. **D.** Tròn.

**Câu 62.** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CẢ NĂM CỦA MỘT SỐ TỈNH NĂM 2018

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tỉnh** | **Thái Bình** | **Thanh Hóa** | **Kon Tum** | **Đồng Tháp** |
| Diện tích lúa cả năm (*nghìn ha*) | 157,1 | 244,4 | 23,7 | 520,4 |
| Sản lượng lúa cả năm (*nghìn tấn*) | 1028,3 | 1413,5 | 91,7 | 3327,5 |

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây **đúng** khi so sánh năng suất lúa cả năm của một số tỉnh năm 2018?

 **A.** Đồng Tháp thấp hơn Thanh Hóa. **B.** Thanh Hóa thấp hơn Kon Tum.

 **C.** Thái Bình cao hơn Đồng Tháp. **D.** Thanh Hóa cao hơn Thái Bình.

**Câu 63.** Cho biểu đồ về xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước ta



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

 **A.** Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của nước ta, giai đoạn 2005 - 2015.

 **B.** Cán cân giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta, giai đoạn 2005 - 2015.

 **C.** Tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu hàng hóa nước ta, giai đoạn 2005 - 2015.

 **D.** Cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta, giai đoạn 2005 - 2015.

**Câu 64.** Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến sự thay đổi của các vùng khí áp cao và khí áp thấp ở lục địa và đại dương theo mùa?

 **A.** Các vành đai khí áp phân bố xen kẽ và đối xứng nhau qua áp thấp xích đạo.

 **B.** Giữa lục địa và đại dương có sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều theo mùa.

 **C.** Các lục địa và các đại dương có biên độ nhiệt độ năm khác nhau theo mùa.

 **D.** Hoạt động của gió kết hợp với độ cao, độ dốc và hướng sườn núi theo mùa.

**Câu 65.** Quy luật địa đới **có mấy biểu hiện** trong số các biểu hiện sau đây?

1. Vòng tuần hoàn của nước.

2. Các hoàn lưu trên đại dương.

3. Các đai khí áp và các đới gió trên trái đất.

4**.** Các vành đai đất và thực vật theo độ cao.

5. Sự phân bố các vòng đai hiệt trên trái đất.

6. Sự phân bố các đới khí hậu trên trái Đất

 **A.** 4 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 5

**Câu 66.** Các châu lục nào sau đây có tỉ lệ dân thành thị vào loại cao nhất hiện nay?

 **A.** Mỹ, Đại dương. **B.** Châu Âu, Á. **C.** Châu Á, Mỹ. **D.** Phi, Đại Dương.

**Câu 67.** Đới khí hậu nào trong năm có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông rõ rệt?

 **A.** Nhiệt đới. **B.** Ôn đới. **C.** Hàn đới. **D.** Cận nhiệt đới.

**Câu 68.** Cây nào sau đây được trồng nhiều ở vùng thảo nguyên nhiệt đới, cận nhiệt và một phần ôn đới?

 **A.** Lúa gạo. **B.** Lúa mì. **C.** Ngô. **D.** Kê.

**Câu 69.** Tại Liên Bang Nga, hiện tượng đêm trắng diễn ra vào mùa nào?

 **A.** Mùa xuân. **B.** Mùa hạ. **C.** Mùa thu. **D.** Mùa đông.

**Câu 70.** Giải pháp để đưa nông nghiệp trở thành ngành sản xuất hàng hóa trong nền kinh tế hiện đại là

 **A.** nâng cao sản suất và chất lượng các cây công nghiệp lâu năm.

 **B.** hình thành và phát triển các vùng chuyên môn hóa nông nghiệp.

 **C.** phát triển quy mô diện tích các loại cây công nghiệp hàng năm.

 **D.** tích cực mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản đặc thù.

**Câu 71.** Ngành chăn nuôi chiếm tỉ trọng rất nhỏ trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp ở các nước đang phát triển, nguyên nhân chủ yếu là do

 **A.** dịch vụ thú y chưa phát triển.

 **B.** cơ sở thức ăn chăn nuôi chưa đảm bảo.

 **C.** công nghiệp chế biến chưa phát triển.

 **D.** nhu cầu thực phẩm chăn nuôi chưa cao.

**Câu 72.** Gió Mậu dịch ở nửa cầu Bắc thổi theo hướng

 **A.** Đông Bắc. **B.** Đông Nam**C.** Tây Bắc.

 **C.** Tây Nam

**Câu 73.** Quan niệm về tổ chức lãnh thổ nông nghiệp

 **A.** sử dụng hợp lí, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

 **B.** đẩy mạnh công nghiệp chế biến, tăng năng suất.

 **C.** đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường.

 **D.** giảm thiểu tác động của tự nhiên đến nông nghiệp.

**Câu 74.** Khu vực xích đạo có lượng mưa

 **A.** ít nhất. **B.** nhiều nhất. **C.** trung bình. **D.** tương đối nhiều.

**Câu 75.** Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ VÀ KHỐI LƯỢNG

CÀ PHÊ XUẤT KHẨU CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1980** | **1990** | **2000** | **2005** | **2010** | **2015** |
| Sản lượng cà phê (nhân) | 8,4 | 92 | 802,5 | 752,1 | 1105,7 | 1453,0 |
| Khối lượng xuất khẩu | 4,0 | 89,6 | 733,9 | 912,7 | 1184 | 1691 |

*(Nguồn: Số liệu thống kê về Việt Nam và thế giới, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)*

Dạng biểu đồ thích hợp để thể hiện sự thay đổi sản lượng cà phê và khối lượng cà phê xuất khẩu của nước ta qua các năm là

 **A.** miền, đường. **B.** cột nhóm, tròn. **C.** đường, cột. **D.** tròn, cột chồng.

**Câu 76.** Vùng nông nghiệp **không** có đặc điểm nào sau đây?

 **A.** có đặc điểm tương đồng về điều kiện sinh thái, kinh tế - xã hội.

 **B.** đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp, đạt hiệu quả cao.

 **C.** lãnh thổ rộng lớn, có ranh giới xác định, sản phẩm đặc trưng.

 **D.** qui mô sản xuất tương đối lớn, thường thuê mướn lao động.

**Câu 77.** Cho câu thơ:

“Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây

Bên nắng đốt, bên mưa quây”

(*Trích:* Sợi nhớ, sợi thương - Phan Huỳnh Điểu)

Hiện tượng trong câu thơ trên phản ánh quy luật nào sau đây của lớp vỏ địa lí?

 **A.** Quy luật đai cao. **B.** Quy luật địa ô.

 **C.** Quy luật địa đới. **D.** Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh.

**Câu 78.** Ở dãy núi Hoàng Liên Sơn của Việt Nam, đỉnh Phan - xi - păng có độ cao 3143m, ở đỉnh núi có kiểu thực vật nào?

 **A.** Cây nhiệt đới lá rộng thường xanh. **B.** Cây cận nhiệt lá rộng và lá kim.

 **C.** Cây ôn đới. **D.** Cây bụi gai.

**Câu 79.** Nông nghiệp hiện nay đang phải đối mặt với vấn đề chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Diện tích đất trồng có nguy cơ bị thu hẹp, tác động của biến đổi khí hậu.

 **B.** Tác động của biến đổi khí hậu, việc sử dụng nhiều phân bón vô cơ.

 **C.** Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật gây thoái hoá đất, ô nhiễm môi trường.

 **D.** Dân số quá đông nên nhu cầu các sản phẩm nông nghiệp tăng nhanh.

**Câu 80.** Trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, loại đất nào được hình thành?

 **A.** Đất feralit. **B.** Đất Pốt-dôn. **C.** Đất đen. **D.** Đất đài nguyên.

***------ HẾT ------***